

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/ 2023/HNGĐ-PT
Ngày 30 - 6 - 2023
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Huy Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Tuyên, ông Phạm Tuấn Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Phạm Quốc Đức – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Giàng A C, sinh năm 1993; địa chỉ: Bản PL, xã PP, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

Bị đơn: Chị Mùa Thị X, sinh năm 1993; địa chỉ: Bản PK, xã CT, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mùa Láo L; địa chỉ: Bản PK, xã CT, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Tòng Văn Minh, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Mùa Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn anh Giàng A C trình bày:

Anh Giàng A C và chị Mùa Thị X đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã PP, huyện M, tỉnh Sơn La, việc kết hôn do hai bên tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại bản PL, xã PP, huyện M, tỉnh Sơn La hạnh phúc cho đến tháng 9 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không cùng cách sinh hoạt dẫn đến thường xuyên cãi nhau, chị X thường xuyên bỏ nhà đi không về ở cùng chồng con. Do đó, quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, tình cảm bắt đầu giảm sút. Sự việc đã được gia đình nhắc nhở, hoà giải, vợ chồng cũng đã trao đổi tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tháng 9/2016 chị X đã đưa các con về bản PK, xã CT, huyện Y ở cùng bố mẹ đẻ cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh C đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với chị Mùa Thị X.

Về con chung: Anh C, chị X có 02 người con chung tên là Giàng Ánh T sinh ngày 21/10/2013 và Giàng Mai H sinh ngày 05/6/2016. Khi ly hôn anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Mai H cho đến tuổi trưởng thành; giao cháu Giàng Ánh T cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

** Bị đơn chị Mùa Thị X trình bày:*

Chị X và anh C đăng ký kết hôn với nhau năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã PP, huyện M, tỉnh Sơn La, việc kết hôn do hai bên tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại nhà bố mẹ anh C hạnh phúc cho đến tháng 9 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C có quan hệ với người phụ nữ khác nên đã đánh đập, hành hạ chị. Do đó tháng 9/2016 chị đã đưa hai con về chung sống với gia đình bố mẹ đẻ tại bản PK, xã CT, huyện Y cho đến nay, anh C không quan tâm, hỏi han gì đến chị và 02 con chung và chị cũng không quan tâm đến anh C nữa. Nay anh C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Châu giải quyết ly hôn với chị, chị không nhất trí vì anh chị có 02 con chung với nhau và vẫn còn tình cảm với anh C.

Về con chung: Anh C, chị X có 02 người con chung tên là Giàng Ánh T sinh ngày 21/10/2013 và Giàng Mai H sinh ngày 05/6/2016. Nếu ly hôn chị X nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2023/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La đã Quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Giàng A C đối với chị Mùa Thị X.

- Xử cho anh Giàng A C được ly hôn chị Mùa Thị X

- Về con chung: Giao 02 người con chung là Giàng Ánh T sinh ngày 21/10/2013 và Giàng Mai H sinh ngày 05/6/2016 cho chị Mùa Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Giàng A C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mùa Thị X mỗi tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đối với Giàng Thị H, sinh ngày 05/6/2016 cho đến khi cháu Hương đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05/4/2023, chị Mùa Thị X có Đơn kháng cáo không nhất trí Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2023/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La về quan hệ hôn nhân; cấp dưỡng nuôi con chung và bổ sung thêm yêu cầu bồi thường danh dự, nhân phẩm.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Ngày 04/4/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La nhận được Đơn đề nghị của ông Mùa Láo L, sinh năm 1965, địa chỉ: bản PK, xã CT, huyện Y, tỉnh Sơn La (bố đẻ chị Mùa Thị X) về việc: Năm 2015, ông Lang đã chi phí số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) để nộp phạt vi phạm giao thông cho anh Giàng A C (con rể của ông Lang), ông Lang đề nghị anh C phải hoàn trả lại số tiền này.

Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành uỷ thác xác minh, thu thập bổ sung thêm các tài liệu, chứng cứ đối với Ủy ban nhân dân xã PP, huyện M; Ủy ban nhân dân xã CT, huyện Y và các cá nhân, đơn vị khác có liên quan để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn anh Giàng A C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo chị Mùa Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Chị Mùa Thị X trình bày: Hai anh chị có quan hệ tình cảm yêu thương nhau từ năm 2013 và có với nhau 01 con chung là cháu Giàng Ánh T, sau đó chị chuyển về sống chung với anh C tại nhà bố mẹ chồng, nhưng đến năm 2016 mới

đăng ký kết hôn và sinh cháu Giàng Mai H; mâu thuẫn vợ chồng là do anh C xử lý không tốt và đánh đập chị nên chị đã đưa hai con về ở với bố mẹ đẻ từ cuối năm 2016 đến nay. Về quan hệ hôn nhân, chị X có nguyện vọng trở lại đoàn tụ gia đình. Trường hợp phải ly hôn chị X đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như Tòa án cấp sơ thẩm: giao 02 con chung cho chị nuôi dưỡng nhưng tăng mức cấp dưỡng từ 500.000 đồng/tháng cho một con chung lên mức 1.000.000 đồng/tháng và phải cấp dưỡng cho hai con chung, tổng số tiền chị X yêu cầu cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng đối với 02 con chung (thay đổi so với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/hai con chung đã đề nghị tại đơn kháng cáo). Ngoài ra, chị X yêu cầu anh Giàng A C phải bồi thường danh dự, nhân phẩm số tiền 380.000.000 đồng vì anh C ly hôn với chị; ngoài ra chị X không có đề nghị gì khác.

- Nguyên đơn anh Giàng A C, nhất trí với lời khai của chị X về thời gian chung sống, thời gian ly thân và con chung của hai anh chị. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách ứng xử không hoà hợp, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không hoà hợp được, chị X đã tự đem theo hai con chung bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, anh C đã nhiều lần khuyên giải chị X đưa con về chung sống cùng anh nhưng không được. Về quan hệ hôn nhân, anh không nhất trí đoàn tụ với chị Mùa Thị X do tình cảm vợ chồng không còn, cũng không nhất trí bồi thường về danh dự, nhân phẩm cho chị X bởi anh không xâm phạm đến sức khỏe, danh dự nhân phẩm của chị X; Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng, anh C đề nghị Tòa án giải quyết để anh và chị X mỗi người nuôi một cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh xin được nuôi cháu Giàng Mai H sinh ngày 05/6/2016. Trường hợp Tòa án vẫn giao 02 con chung cho chị X nuôi dưỡng, anh C đề nghị giữ nguyên mức cấp dưỡng như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên 500.000 đồng/tháng đối với cháu Giàng Mai Hương, vì hiện nay anh đang sống cùng bố mẹ, thu nhập thấp chủ yếu từ lao động trồng trọt, điều kiện kinh tế gia đình rất khó khăn thuộc hộ cận nghèo trong bản nên anh không có khả năng để cấp dưỡng theo mức yêu cầu của chị X.

Đối với đề nghị của ông Mùa Láo L, thì trước khi xét xử phúc thẩm vụ án giữa anh và ông Lang đã thoả thuận được với nhau, anh đã trả đủ tiền cho ông Lang.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp ông Tòng Văn Minh trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm phía nguyên đơn anh Giàng A C không có kháng cáo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm; đối với khoản tiền 02 triệu đồng nợ ông Mùa Láo L, anh C đã trả cho ông Lang; tại phiên toà anh C xin được nuôi một con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mùa Láo L: Trước khi mở phiên toà phúc thẩm phía anh C đã tự nguyện trả cho ông số tiền 02 triệu đồng, nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết nữa.

(Tại phiên tòa, cháu Giàng Anh T và Giàng Mai H trình bày: Hai cháu hiện đang được đi học tiểu học tại bản nơi cư trú, hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Kiểm sát viên kết luận không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Mùa Thị X và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2023/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2022, anh Giàng A C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Mùa Thị X. Bị đơn cư trú tại bản PK, xã CT, huyện Y, tỉnh Sơn La, nên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn theo đơn khởi kiện của anh C là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo:

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2023/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La đã tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định. Do chị X vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên ngày 31/3/2023, chị Mùa Thị X đã được tổng đạt văn bản tại bản PK, xã CT, huyện Y, tỉnh Sơn La. Đến ngày 05/4/2023, chị X có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, kháng cáo của chị là trong hạn luật định, chị X đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của chị X được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và trước khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã uỷ thác cho Ủy ban nhân dân xã CT, huyện Y tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm cho chị Mùa Thị X, nhưng chị X đều không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hoà giải và tham gia phiên tòa. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét

xử vắng mặt chị Mùa Thị X là thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về những người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Mùa Láo L là bố đẻ của chị Mùa Thị X có đề nghị Tòa án xem xét, buộc anh Giàng A C phải hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng ông Lang đã nộp phạt vi phạm giao thông cho anh C (tại cấp sơ thẩm ông Lang không đưa ra yêu cầu trên).

Do cần xem xét số tiền 2.000.000 đồng là khoản nợ chung hay nợ riêng nên Tòa án cấp phúc thẩm đã đưa bổ sung ông Lang vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm giữa anh Giàng A C và ông Mùa Láo L đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau, anh C đã trả đủ cho ông Lang số tiền 2.000.000 đồng, nên ông Lang không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung ông đã đề nghị trước đây nữa, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết nội dung trên của ông Mùa Láo L.

[2] Về nội dung kháng cáo

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Giàng A C và chị Mùa Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã PP, huyện M, tỉnh Sơn La và được sự đồng ý của 02 bên gia đình nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh C xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm nên giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị X. Về phía chị X, chị cho rằng vẫn còn tình cảm với anh C, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái đến khi trưởng thành.

Xét thấy, anh C và chị X đều thừa nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nên chị Mùa Thị X tự ý về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2016 đến nay, hai bên gia đình đã nhiều lần tác động để anh chị tái hợp nhưng không thành; tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử đã phân tích khuyên giải nhưng anh C vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin ly hôn với chị X. Về phía chị X đau khi tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhưng cũng không quay trở lại chung sống với anh C, ngoài ý kiến trình bày không nhất trí ly hôn thì chị X cũng không có phương án, giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ hôn nhân. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Mùa Thị X về quan hệ hôn nhân, xin được trở lại đoàn tụ gia đình.

[2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống, anh C và chị X có 02 người con chung là Giàng

Anh T, sinh ngày 21/10/2013 và Giàng Mai Hương, sinh ngày 05/6/2016. Chị X có nguyện vọng nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000 đồng/tháng. Anh C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Mai H và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi anh C, chị X ly thân, các con chung đều ở với chị X, việc thăm nom, quan tâm, chăm sóc con chung của anh C không thường xuyên nên tình cảm giữa bố và các con không gắn bó. Tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm các cháu Giàng Ánh T và Giàng Mai H đều đã trên 7 tuổi, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ; tại biên bản xác minh ngày 31/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã CT, huyện Y (nơi cư trú của chị X) xác định: *“Chị Mùa Thị X và hai cháu Giàng Ánh T, Giàng Mai H hiện đang chung sống với ông bà Mùa Lao Lang và Tánh Thị Dính (bố mẹ đẻ của chị X); hộ gia đình ông Lang hiện không thuộc hộ nghèo trong bản; việc chăm sóc nuôi dưỡng hai con của chị X từ năm 2016 cho đến nay đảm bảo cuộc sống bình thường theo mức sinh hoạt chung tại địa phương; mức thu nhập bình quân tại địa phương từ khoảng 12 đến 14 triệu đồng/người/năm; hai cháu Giàng Ánh T, Giàng Mai H hiện nay đang được học tại trường tiểu học CT, điểm trường PK; việc đi học ở độ tuổi từ 7 đến 10 tuổi như hai cháu không phải đóng tiền học phí, tiền xây dựng cho nhà trường”*. Như vậy, hiện nay các cháu T, H đều đã quen với điều kiện, môi trường sống với chị X và gia đình ông Lang, việc học tập, sinh hoạt hàng ngày đã ổn định (bản thân chị X cũng thừa nhận có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc hai cháu). Hơn nữa, cháu Tuyết và Hương đều là con gái, việc giao hai cháu cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng như Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết sẽ ổn định về mặt tâm sinh lý, giúp bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho các cháu và cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn, nếu giao cháu Hương cho anh C nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Giàng Ánh T và Giàng Mai H cho chị Mùa Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bản án sơ thẩm buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Mai H 500.000 đồng/tháng. Chị X cho rằng, mức cấp dưỡng này không phù hợp và đề nghị tăng mức cấp dưỡng lên 1.000.000 đồng/cháu/tháng, và phải cấp dưỡng cho cả hai con chung, tổng tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy, anh C và chị X đều cùng phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nên mặc dù giao cháu Giàng Mai H cho chị X nhưng anh C vẫn phải có trách nhiệm đối với con chung. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành thu thập thêm chứng cứ: tại Công văn số 39/UBND ngày 05/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã PP, huyện M (nơi cư trú của anh Giàng

A C) và các tài liệu do UBND xã PP cung cấp đã xác định: “*Anh Giàng A C hiện đang chung sống cùng bố mẹ là hộ gia đình ông Giàng A Cho, bà Sòng Thị Dua; hộ gia đình ông Giàng A Cho thuộc hộ cận nghèo; anh Giàng A C là lao động tự do mức thu nhập hàng tháng không ổn định; mức thu nhập bình quân tại xã Phiên Pả ước tính khoảng 14 triệu đồng/người/năm*”.

Như vậy, thu nhập trung bình của 01 người lao động làm nghề trồng trọt như anh Giàng A C tại bản Pà Liềng, xã PP, huyện M, tỉnh Sơn La là 14.000.000 đồng/người/năm (trung bình 1.166.000 đồng/tháng), mức thu nhập này cũng tương đồng mức thu nhập bình quân tại địa phương nơi chị Mùa Thị X cư trú; mặt khác, gia đình anh C lại thuộc diện hộ nghèo trong bản, thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp nhưng không ổn định. Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình mức cấp dưỡng phải phụ thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Do vậy, với thu nhập của anh C như trên, Toà án cấp sơ thẩm buộc anh C phải cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng cho chị X nuôi con chung đối với cháu Giàng Mai H cho đến khi cháu trưởng thành là phù hợp và có căn cứ.

Ngoài ra, trong quá trình chị Mùa Thị X nuôi dưỡng chăm sóc con chung, nếu chị Mùa Thị X có đủ căn cứ chứng minh anh Giàng A C có thay đổi về thu nhập (tăng mức thu nhập) thì có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con; hoặc nếu anh Giàng A C có đủ căn cứ xác định chị Mùa Thị X không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về yêu cầu bồi thường danh dự, nhân phẩm:

Toà án cấp phúc thẩm, chị Mùa Thị X yêu cầu anh C phải bồi thường danh dự, nhân phẩm cho chị số tiền 380.000.000 đồng, lý do: anh C đã kết hôn chung sống với chị nhưng nay lại xin ly hôn với chị. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm phía chị X không đưa ra yêu cầu trên, ngoài ý kiến trình bày thì chị X không đưa ra được căn cứ khác chứng minh về thiệt hại của mình, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nội dung vụ án nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của Bản án án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Chị Mùa Thị X lẽ ra phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, chị X là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (*theo Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ*) nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Mùa Thị X.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2023/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La như sau:

- Xử cho anh Giàng A C được ly hôn với chị Mùa Thị X.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Giàng Ánh T sinh ngày 21/10/2013 và Giàng Mai H sinh ngày 05/6/2023 cho chị Mùa Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Anh Giàng A C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Mai Hương, sinh ngày 05/6/2016 cùng chị Mùa Thị X, mỗi tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); Về thời điểm cấp dưỡng nuôi con: Tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/3/2023) cho đến khi cháu Hương đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

3. Các quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La về tài sản chung, nợ chung; án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn chị Mùa Thị X.

5. Về tiền tạm ứng án phí phúc thẩm: Trả lại cho chị Mùa Thị X số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị Mùa Thị X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003313 ngày 05/4/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Y, tỉnh Sơn La.
- Chi cục THADS huyện Y, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đinh Huy Hiệp

